

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA HÓA SINH

STT	MÃ	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
A. MÁU			
1	2030.23.3	Định lượng Acid Uric	T3
2	2030.23.7	Định lượng Albumin	T3
3	2030.23.10	Đo hoạt độ Amylase	T3
4	2030.23.11	Định lượng Amoniac (NH ₃)	T2
5	2030.23.19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	T3
6	2030.23.20	Đo hoạt độ AST (GOT)	T3
7	2030.23.25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	T3
8	2030.23.26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	T3
9	2030.23.27	Định lượng Bilirubin toàn phần	T3
10	2030.23.29	Định lượng Calci toàn phần	T3
11	2030.23.30	Định lượng Calci ion hóa	T3
12	2030.23.31	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc	T2
13	2030.23.40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	T3
14	2030.23.41	Định lượng Cholesterol toàn phần	T3
15	2030.23.43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	T2
16	2030.23.50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	T3
17	2030.23.51	Định lượng Creatinin	T3
18	2030.23.58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	T3
19	2030.23.60	Định lượng Ethanol (cồn)	T2
20	2030.23.68	Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)	T2
21	2030.23.69	Định lượng FT ₄ (Free Thyroxine)	T2
22	2030.23.75	Định lượng Glucose	T3
23	2030.23.76	Định lượng Globulin	T3
24	2030.23.77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	T3
25	2030.23.83	Định lượng HbA1c	T3
26	2030.23.84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	T3
27	2030.23.103	Xét nghiệm Khí máu	T2
28	2030.23.110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	T2
29	2030.23.111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	T2
30	2030.23.112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	T3
31	2030.23.118	Định lượng Mg	T2
32	2030.23.128	Định lượng Phospho	T3
33	2030.23.130	Định lượng Pro-calcitonin	T2
34	2030.23.133	Định lượng Protein toàn phần	T3
35	2030.23.143	Định lượng Sắt	T3
36	2030.23.147	Định lượng T ₃ (Tri iodothyronine)	T2
37	2030.23.148	Định lượng T ₄ (Thyroxine)	T2
38	2030.23.158	Định lượng Triglycerid	T3
39	2030.23.159	Định lượng Troponin T	T2
40	2030.23.161	Định lượng Troponin I	T2
41	2030.23.162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	T2
42	2030.23.166	Định lượng Urê	T3
B. NƯỚC TIỂU			
43	2030.23.172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	T3
44	2030.23.173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	T3
45	2030.23.174	Định lượng Amphetamine	T3
46	2030.23.175	Đo hoạt độ Amylase	T3
47	2030.23.176	Định lượng Axit Uric	T3

48	2030.23.179	Định tính beta hCG (test nhanh)	T3
49	2030.23.180	Định lượng Canxi	T3
50	2030.23.181	Định lượng Catecholamin	T2
51	2030.23.184	Định lượng Creatinin	T3
52	2030.23.186	Định tính Dur-ơng chấp	T3
53	2030.23.187	Định lư-ợng Glucose	T3
54	2030.23.188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	T3
55	2030.23.189	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)	T2
56	2030.23.190	Định lượng Methadone	T1
57	2030.23.193	Định tính Opiate (test nhanh)	T3
58	2030.23.194	Định tính Morphin (test nhanh)	T3
59	2030.23.195	Định tính Codein (test nhanh)	T3
60	2030.23.196	Định tính Heroín (test nhanh)	T3
61	2030.23.198	Định tính Phospho hữu cơ	T3
62	2030.23.199	Định tính Porphyrin	T3
63	2030.23.201	Định lượng Protein	T3
64	2030.23.202	Định tính Protein Bence -jones	T3
65	2030.23.205	Định lượng Ure	T3
66	2030.23.206	Tổng phân tích nư-ớc tiểu (Bảng máy tự động)	T3
C. DỊCH NÃO TUY			
67	2030.23.207	Định lư-ợng Clo	T3
68	2030.23.208	Định lư-ợng Glucose	T3
69	2030.23.209	Phản ứng Pandy	T3
70	2030.23.210	Định lư-ợng Protein	T3
D. THUY DỊCH MẮT			
E. DỊCH CHỌC DỖ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)			
71	2030.23.214	Định lượng Bilirubin toàn phần	T3
72	2030.23.215	Định lượng Cholesterol toàn phần	T3
73	2030.23.216	Định lượng Creatinin	T3
74	2030.23.217	Định lượng Glucose	T3
75	2030.23.218	Đo hoạt độ LDH	T2
76	2030.23.219	Định lượng Protein	T3
77	2030.23.220	Phản ứng Rivalta	T3
78	2030.23.221	Định lượng Triglycerid	T3
79	2030.23.222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	T3
80	2030.23.223	Định lượng Ure	T3
DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA Y HỌC HẠT NHÂN			
A. CHẨN ĐOÁN			
1	2030.19.335	Định lượng AFP bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	T2